

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT**

Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT

Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT (sau đây viết tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền, tiền thân là Công ty Cổ phần May Phú Thành, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2008, sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MPT GROUP JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021: 171.071.640.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) với mã chứng khoán: MPT.

Trụ sở chính của Công ty: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.  
Văn phòng giao dịch: Tầng 2 Tòa nhà Trung Yên 1, Khu đô thị Trung Yên, Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Gia Khoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Bùi Cảnh Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/7/2021
Ông Hoàng Việt Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/7/2021
Ông Lưu Quang Minh	Thành viên	

##### Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Thu Hoài	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Bá Thắng	Thành viên
Ông Cao Tiến Thành	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Việt Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài nội dung đã trình bày tại Mục 1.4 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Hoàng Việt Lâm**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT được lập ngày 30/3/2022, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho và tài sản cố định tại ngày 31/12/2021 của Công ty, các thủ tục kiểm tra thay thế cũng không thể thực hiện được, do đó chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của hàng tồn kho và tài sản cố định tại ngày 31/12/2021. Như trình bày tại Thuyết minh số 5.7 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2021, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho, số dư của toàn bộ hàng tồn kho đang được trình bày theo giá gốc với giá trị tại 31/12/2021 là 36.995.516.576 VND (tại 01/01/2021 với giá trị là: 36.211.285.183 VND), Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến việc xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên tại ngày 31/12/2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến tính hiện hữu, chính xác của số dư và đánh giá giá trị có thể thu hồi tại ngày 31/12/2021 của khoản phải thu khách hàng: 13.511.535.851 VND (tại ngày 01/01/2021: 20.875.998.407 VND), khoản trả trước cho người bán: 5.465.592.502 VND (tại 01/01/2021: 5.465.592.502 VND), phải thu ngắn hạn khác: 101.373.778.934 VND (tại ngày 01/01/2021 là: 98.446.991.000 VND), phải thu về cho vay ngắn hạn: 24.500.000.000 VND (tại ngày 01/01/2021 có giá trị: 24.500.000.000 VND) được trình bày chi tiết tại các Thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.4 và 5.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)**

Chúng tôi chưa thu thập được thu đối chiếu xác nhận số dư khoản phải trả người bán không biến động số dư tại 31/12/2021 với giá trị là: 6.774.395.551 VND (tại 01/01/2021 với giá trị là 6.774.395.551 VND đồng). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng hợp lý về tính hiện hữu, đúng đắn, đầy đủ và khả năng trả nợ của các khoản nợ này tại thời điểm 31/12/2021. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các khoản phải trả này đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Do ảnh hưởng của các khoản nợ phải thu đã quá hạn thu hồi, tiềm ẩn rủi ro khó đòi nêu trên và giá trị hàng tồn kho chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được với tổng giá trị 178,9 tỷ VND chiếm 86,3% so với tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 dẫn đến Công ty bị thiếu hụt đáng kể vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc Công ty có thu hồi được các khoản nợ phải thu nêu trên hay không. Chúng tôi không thể xác định được liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MP1.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 30/3/2021 đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do ảnh hưởng của các vấn đề sau:

- Kiểm toán viên không thể đưa ra ý kiến về số lượng hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020 với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán là 36.211.285.183 VND;
- Kiểm toán viên không thể xác định được khả năng thu hồi của các khoản công nợ tại ngày 31/12/2020 của các khoản phải thu khách hàng 20.875.998.407 VND, trả trước cho người bán 5.465.592.502 VND, phải thu ngắn hạn khác 88.139.500.000 VND (trong đó có các khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện công việc kinh doanh của công ty với số tiền 28.000.000.000 VND); Kiểm toán viên chưa thu thập được đầy đủ các bản xác nhận độc lập của các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại 31/12/2020 với số tiền 6.774.395.551 VND;
- Kiểm toán viên không thể xác định liệu Báo cáo tài chính được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.


**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**Lưu Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN		MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A-</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>188.492.232.213</b>	<b>188.420.287.826</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>102.058.302</b>	<b>3.263.016.991</b>
1.	Tiền	111		102.058.302	3.263.016.991
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>151.381.318.267</b>	<b>148.945.985.652</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	18.139.065.650	21.411.200.969
2.	Trả trước cho người bán	132	5.3	5.465.592.502	5.465.592.502
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	27.280.680.000	24.500.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	101.373.778.934	98.446.991.900
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(877.798.819)	(877.798.819)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>36.995.516.576</b>	<b>36.211.285.183</b>
1.	Hàng tồn kho	141	5.7	36.995.516.576	36.211.285.183
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.339.068</b>	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	13.339.068	-
<b>B-</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>19.068.516.376</b>	<b>26.115.251.664</b>
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.302.713.938</b>	<b>8.570.572.994</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.302.713.938	8.570.572.994
	<i>Nguyên giá</i>	222		4.476.280.000	14.096.201.364
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.173.566.062)	(5.525.628.370)
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>16.714.285.714</b>	<b>16.714.285.714</b>
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	16.714.285.714	16.714.285.714
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>51.516.724</b>	<b>830.392.956</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	51.516.724	830.392.956
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)		<b>270</b>		<b>207.560.748.589</b>	<b>214.535.539.490</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>19.085.453.919</b>	<b>26.145.104.689</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.558.530.846</b>	<b>21.303.022.136</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	8.647.161.278	6.774.395.551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	524.652.349	205.585.548
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	593.924.012	68.032.078
4. Phải trả người lao động	314		-	33.352.609
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	199.530.278	591.773.895
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	12.985.000	19.373.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	5.599.000.000	12.629.231.526
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		981.277.929	981.277.929
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.526.923.073</b>	<b>4.842.082.553</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	2.526.923.073	4.842.082.553
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410 + 430)	<b>400</b>		<b>188.475.294.670</b>	<b>188.390.434.801</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>188.475.294.670</b>	<b>188.390.434.801</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		171.071.640.000	171.071.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		171.071.640.000	171.071.640.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.162.555.858	1.162.555.858
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.241.098.812	16.156.238.943
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.156.238.943	17.275.502.710
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		84.859.869	(1.119.263.767)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>207.560.748.589</b>	<b>214.535.539.490</b>

Người lập biểu



Khuất Thị Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hải Yên

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	49.675.994.453	13.940.628.875
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10	6.1	49.675.994.453	13.940.628.875
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	44.716.454.441	13.090.225.441
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		4.959.540.012	850.403.434
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	119.482	3.862.112.051
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.364.381.642	1.634.649.946
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.364.180.571	1.634.649.946
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.524.093.287	2.745.577.897
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)+24-(25+26)</b>	30		1.071.184.565	332.287.642
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		830.784.067	1.373.508.372
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40	6.6	(830.784.067)	(1.373.508.372)
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	50		240.400.498	(1.041.220.730)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	155.540.629	78.043.037
17. <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51)</b>	60		84.859.869	(1.119.263.767)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	5	(65)

Người lập biểu



Khuất Thị Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hải Yến

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		240.400.498	(1.041.220.730)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		1.505.969.456	1.601.559.900
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		109.736.355	(2.945.059.535)
- Chi phí lãi vay	06		1.364.180.571	1.634.649.946
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>3.220.286.880</b>	<b>(750.070.419)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		642.764.705	23.635.525.116
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(784.231.393)	(455.827.948)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.445.359.087	(7.032.839.861)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		765.537.164	1.564.877.237
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.364.180.571)	(1.042.876.051)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(78.043.037)	(453.520.610)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>6.847.492.835</b>	<b>15.465.267.464</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn khác	22		2.117.500.000	2.998.959.623
2. Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.739.680.000)	(17.000.000.000)
3. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		959.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		119.482	1.630.598.851
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(663.060.518)</b>	<b>(12.370.441.526)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		8.494.000.000	9.127.180.866
2. Chi trả nợ gốc vay	34		(17.839.391.006)	(9.651.350.987)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(9.345.391.006)</b>	<b>(524.170.121)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	50		<b>(3.160.958.689)</b>	<b>2.570.655.817</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>3.263.016.991</b>	<b>692.361.174</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60+61)	70	5.1	<b>102.058.302</b>	<b>3.263.016.991</b>

Người lập biểu

*Khuất Thị Trang*

Khuất Thị Trang

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Hải Yến*

Nguyễn Thị Hải Yến

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền, tiền thân là Công ty Cổ phần May Phú Thành, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/1/2008, sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021: 171.071.640.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) với mã chứng khoán: MPT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 06 người (tại ngày 31/12/2020 là 05 người).

**1.2 Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: sản xuất, gia công và thương mại hàng may mặc, kinh doanh buôn bán xăng dầu, môi giới, kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất cacloaj hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường tủ, bàn ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom gạo và vật liệu tết bện; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- ...

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Kinh doanh thương mại.

**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh-thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Từ năm tài chính 2020, Công ty đã tạm dừng các hoạt động kinh doanh chính như: Sản xuất quần áo, bút tất ... Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm 2021 là kinh doanh thương mại, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên hoạt động kinh doanh thương mại bị gián đoạn ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh chung của Công ty.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 09/7/2021, kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty tập trung vào hoạt động kinh doanh thương mại và từng bước điều chỉnh cơ cấu tổ chức, phát triển đội ngũ nhân sự để chuyển đổi ngành nghề kinh doanh định hướng tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực bất động sản cũng như mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại trong và ngoài nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Tại thời điểm 31/12/2021 đối với các khoản nợ phải thu nêu tại các thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.4 và 5.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi. Bên cạnh việc tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức, nhân sự, Ban Lãnh đạo Công ty đang tích cực tìm kiếm đối tác phù hợp để chuyển nhượng hàng tồn kho và tài sản cố định không còn phù hợp với định hướng kinh doanh để bổ sung vốn lưu động.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch kinh doanh và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như thanh lý các tài sản cố định không còn phù hợp để trả các khoản nợ đến hạn tại các ngân hàng thương mại. Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch thanh lý hàng tồn kho, kế hoạch thu hồi công nợ để cân đối nguồn tiền thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản cho vay:** Được ghi nhận theo giá gốc trên cơ sở các Hợp đồng/khế ước nhận nợ giữa các bên và không được giao dịch mua, bán trên thị trường chứng khoán. Thu nhập từ tiền lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản vay có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận là khoản dự phòng phải thu khó đòi và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**Các khoản đầu tư góp vốn khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tồn thất các khoản đầu tư góp vốn khác: Việc trích lập dự phòng tồn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư. Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận khoản vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác; không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Tất cả các chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: Ghi nhận trên cơ sở số phải thanh toán trong tương lai liên quan đến hàng hóa, tài sản, dịch vụ đã nhận được nhưng Công ty chưa nhận được đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty, mức trích lập cụ thể dựa trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Ghi nhận doanh thu thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay của Công ty gồm:

- Lãi vay được ghi nhận hàng tháng căn cứ trên số dư nợ gốc khoản đi vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế;
- Các khoản phí phải trả liên quan đến khoản bảo lãnh.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thương mại và hoạt động trong khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam do đó Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không cần thiết phải trình bày Báo cáo bộ phận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.406.000	3.247.137.934
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	99.652.302	15.879.057
<b>Tổng</b>	<b>102.058.302</b>	<b>3.263.016.991</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Phúc Minh	1.210.423.684	1.942.908.175
Công ty TNHH May mặc và TM Phú Vĩnh Hưng	-	1.584.850.199
Công ty CP Dệt may Hưng Việt (*)	2.633.131.989	2.633.131.989
Công ty CP May Hùng Đông (*)	1.901.396.714	1.901.396.714
Công ty TNHH TM Xăng dầu Đại Việt (*)	1.697.470.000	1.697.470.000
Công ty CP phụ liệu may mặc VTC	2.959.906.744	4.371.906.744
Công ty CP TM Quốc tế Alena Việt Nam (*)	1.801.976.417	1.801.976.417
Các khách hàng khác (*)	5.934.760.102	5.477.560.731
<b>Tổng</b>	<b>18.139.065.650</b>	<b>21.411.200.969</b>

(\*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa đánh giá xác định được khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu với giá trị: 13.511.535.851 VND (tại 01/01/2021 có giá trị: 20.875.998.407 VND).

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Sản xuất KTT - An Nguyễn	2.000.000.000	2.000.000.000
Bà Đỗ Thị Phụng	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Kiến trúc Công trình	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khách hàng khác	965.592.502	965.592.502
<b>Tổng</b>	<b>5.465.592.502</b>	<b>5.465.592.502</b>

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định được khả năng thu hồi của toàn bộ khoản trả trước cho người bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Nguyễn Văn Sáng (1)	24.500.000.000	-	24.500.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Cường (2)	2.780.680.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>27.280.680.000</b>	<b>-</b>	<b>24.500.000.000</b>	<b>-</b>

(1): Chi tiết các khoản cho Ông Nguyễn Văn Sáng vay như sau:

- Hợp đồng vay số 02/2019/HĐTV ngày 29/6/2019, số tiền: 7.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, đã được gia hạn đến 31/12/2020.
- Hợp đồng vay số 01/2020/HĐTV ngày 01/4/2020, số tiền: 17.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến 31/12/2020.

Các khoản vay trên không có tài sản đảm bảo, lãi suất 11% năm. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi đối với khoản cho Ông Nguyễn Văn Sáng vay nêu trên cùng với lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh số 5.5.

(2): Hợp đồng cho vay số 25122021/HĐVV/MPT ngày 25/12/2021. Thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất 9,3%/năm.

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng				
- Nguyễn Thị Linh (1)	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
- Bùi Việt Quân (1)	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (2)	44.400.000.000	-	44.400.000.000	-
Lê Thị Thu Hiền (3)	15.147.000.000	-	15.147.000.000	-
Nguyễn Văn Sáng (lãi vay)	1.238.574.000	-	1.238.574.000	-
Công ty CP Địa ốc Trường Tiền Land (4)	9.068.917.000	-	9.068.917.000	-
Công ty CP ĐTTM Đồng Mô	592.500.000	-	592.500.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý (5)	2.926.787.934	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>101.373.778.934</b>	<b>-</b>	<b>98.446.991.000</b>	<b>-</b>

(1) Khoản tạm ứng cho nhân viên cũ của Công ty để thực hiện công việc kinh doanh theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị ngày 26/4/2020, đến 31/12/2021 chưa được hoàn ứng hoặc thu hồi.

(2) Đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hướng Dương theo Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2018/HDCN ngày 30/11/2018. Bên chuyển nhượng: Ông Đoàn Quang Anh, Ông Hoàng Văn Thông và Bà Nguyễn Thị Yêu, bên nhận chuyển nhượng là Công ty CP May Phú Thành (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT). Giá trị chuyển nhượng làm tròn: 125 tỷ đồng (990.000 cổ phần x 126.263 đồng/cổ phần). Đến ngày 31/12/2021, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vẫn chưa được hoàn tất.

(3) Phải thu về việc chuyển nhượng cho bà Hiền số cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô. Số cổ phần chuyển nhượng: 336.600 cổ phần, giá chuyển nhượng: 45.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng: 15,147 tỷ đồng.

(4) Phải thu về giá trị còn lại chưa được Công ty Cổ phần Địa Ốc Trường Tiền Land thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng 1.346.600 cổ phần Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô.

(5) Giá trị tiền mặt thiếu theo kết quả kiểm kê ngày 31/12/2020.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi: 101.373.778.934 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

*Đơn vị tính: VND*

<i>Chi tiết đối tượng đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<b>Quá hạn trên 6 tháng</b>	<b>Quá hạn 1-2 năm</b>	<b>Quá hạn 2-3 năm</b>	<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Công ty TNHH Trường Thọ Phát				118.898.819
Công ty TNHH Vải Giấy Thanh Cường				758.900.000
<b>Tổng</b>	-	-	-	<b>877.798.819</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>31/12/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên vật liệu	6.182.221.772	-	8.519.776.748	-
Công cụ, dụng cụ	492.576.549	-	492.576.549	-
Thành phẩm	11.812.303.262	-	11.812.303.262	-
Hàng hóa	18.508.414.993	-	15.386.628.624	-
<b>Tổng</b>	<b>36.995.516.576</b>	-	<b>36.211.285.183</b>	-

Công ty đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống (sản xuất quần áo, bít tất) để nghiên cứu chuyển đổi ngành nghề kinh doanh theo định hướng, chiến lược phát triển mới. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, toàn bộ hàng tồn kho là các nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất quần áo, bít tất nêu trên, Công ty chưa đánh giá lại giá trị thuần có thể thực hiện đối với hàng tồn kho này.

**5.8 Chi phí trả trước**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>13.339.068</b>	-
Chi phí khác	13.339.068	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>51.516.724</b>	<b>830.392.956</b>
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	728.300.012
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	27.898.118	-
Chi phí khác	23.618.606	102.092.944
<b>Tổng</b>	<b>64.855.792</b>	<b>830.392.956</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư ngày 01/01/2021	31.400.000	7.863.725.000	6.201.076.364	14.096.201.364
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.693.725.000)	(2.926.196.364)	(9.619.921.364)
Số dư ngày 31/12/2021	31.400.000	1.170.000.000	3.274.880.000	4.476.280.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư ngày 01/01/2021	31.400.000	3.192.672.762	2.301.555.608	5.525.628.370
Khấu hao trong năm	-	693.404.101	812.565.355	1.505.969.456
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.408.641.452)	(1.449.390.312)	(4.858.031.764)
Số dư ngày 31/12/2021	31.400.000	477.435.411	1.664.730.651	2.173.566.062
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2021	-	4.671.052.238	3.899.520.756	8.570.572.994
Tại ngày 31/12/2021	-	692.564.589	1.610.149.349	2.302.713.938

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021: 31.400.000 VND (tại ngày 01/01/2021: 31.400.000 VND).

Trong năm Công ty đã thực hiện thanh lý các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải để thanh toán các khoản nợ đến hạn tại các Ngân hàng thương mại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT**  
Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh  
huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng	16.714.285.714	-	(*)	16.714.285.714	-	(*)
<b>Tổng</b>	<b>16.714.285.714</b>	<b>-</b>		<b>16.714.285.714</b>	<b>-</b>	

Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500446466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/1/2004, sửa đổi bổ sung lần thứ 09 ngày 13/12/2019. Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh hàng dệt kim: tất, quần áo ... Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng: 80.000.000.000 VND, được chia thành 8.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 VND. Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền sở hữu 1.560.000 cổ phần, tương đương với 19,5% Vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết: 19,5%.

Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

(\*) Công ty chưa đánh giá được giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty CP Dệt may Phú Vĩnh Hưng tại ngày kết thúc năm tài chính, do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, do đó giá trị đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dầu khí Minh Trí	4.542.228.600	4.542.228.600	4.542.228.600	4.542.228.600
Công ty TNHH XNK Máy và Phụ kiện ngành Dệt may Thiên Phong	717.300.000	717.300.000	717.300.000	717.300.000
Công ty CP may GB	437.921.255	437.921.255	437.921.255	437.921.255
Công ty CP Xuất nhập khẩu Phúc	1.567.515.509	1.567.515.509	-	-
Công ty TNHH Thịnh Phát	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Thương mại Phát triển Hưng Vượng	283.980.179	283.980.179	283.980.179	283.980.179
Các đối tượng khác	748.215.735	748.215.735	442.965.517	442.965.517
<b>Tổng</b>	<b>8.647.161.278</b>	<b>8.647.161.278</b>	<b>6.774.395.551</b>	<b>6.774.395.551</b>

**5.12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH SX và TM Phương Mai	192.071.831	192.071.831
Người mua trả tiền trước khác	332.580.518	13.513.717
<b>Tổng</b>	<b>524.652.349</b>	<b>205.585.548</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT**

Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh

huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Mẫu B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	503.712	435.913.112	602.941		435.813.883
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	59.991.844	173.591.822	78.043.037	-	155.540.629
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.536.522	14.953.500	19.920.522	-	2.569.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	-	<b>68.032.078</b>	<b>628.458.434</b>	<b>102.566.500</b>	-	<b>593.924.012</b>

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	199.530.278	591.773.895
<b>Tổng</b>	<b>199.530.278</b>	<b>591.773.895</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản phải trả khác	12.985.000	19.373.000
<b>Tổng</b>	<b>12.985.000</b>	<b>19.373.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT**  
 Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh  
 huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu B09 - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	Số phát sinh trong năm				Số có khả năng trả nợ
	01/01/2021	Giá trị	Tăng	Giảm	
a) Ngân hạn		12.629.231.526	8.494.000.000	15.524.231.526	5.599.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (1)	12.629.231.526		7.469.000.000	14.499.231.526	5.599.000.000
Vay cá nhân	-		1.025.000.000	1.025.000.000	-
b) Dài hạn	4.842.082.553		-	2.315.159.480	2.526.923.073
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (2)	3.369.230.766		-	842.307.693	2.526.923.073
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội	1.472.851.787		-	1.472.851.787	-
<b>Tổng</b>	<b>17.471.314.079</b>	<b>17.471.314.079</b>	<b>8.494.000.000</b>	<b>17.839.391.006</b>	<b>8.125.923.073</b>

(1) Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 24/9/2021 về việc sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 10/20/KHDN/HM/VCBTHN ngày 04/5/2020. Hạn mức cho vay: 12,63 tỷ đồng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 09 tháng. Mục đích vay: bổ xung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất vay: Xác định tại thời điểm giải ngân theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là 01 xe Mercedes - Benz biến kiểm soát 30E - 581.64, 06 máy dệt kim đồ lót Quyền sử dụng đất của các cá nhân theo hợp đồng thế chấp giữa các cá nhân này với Ngân hàng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 80/16/TDĐH/KHDN/VCBHT-MPT ngày 07/9/2016, hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng. Mục đích vay: Đầu tư máy dệt kim, phương tiện vận chuyên phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần May Phú Thành (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT). Thời gian vay: 84 tháng, lãi suất áp dụng theo thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.17 Biến động Vốn chủ sở hữu**

**a) Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2020	171.071.640.000	1.162.555.858	17.275.502.710	189.509.698.568
Lỗ trong năm trước	-	-	(1.119.263.767)	(1.119.263.767)
Số dư 31/12/2020	171.071.640.000	1.162.555.858	16.156.238.943	188.390.434.801
Số dư 01/01/2021	171.071.640.000	1.162.555.858	16.156.238.943	188.390.434.801
Lãi năm nay	-	-	84.859.869	84.859.869
Số dư 31/12/2021	171.071.640.000	1.162.555.858	16.241.098.812	188.475.294.670

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Các cổ đông	171.071.640.000	171.071.640.000
<b>Tổng</b>	<b>171.071.640.000</b>	<b>171.071.640.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp tại ngày đầu năm	171.071.640.000	171.071.640.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	171.071.640.000	171.071.640.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.107.164	17.107.164
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu phổ thông	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu phổ thông	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu MPT của Công ty bị hạn chế giao dịch từ ngày 02/6/2021 theo Thông báo số 1925/TB-SGDHN ngày 31/5/2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Số lượng cổ phiếu hạn chế giao dịch: 17.107.164 cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng	49.675.994.453	10.851.669.252
Doanh thu dịch vụ khác	-	3.088.959.623
<b>Tổng</b>	<b>49.675.994.453</b>	<b>13.940.628.875</b>
Giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>49.675.994.453</b>	<b>13.940.628.875</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng bán	44.716.454.441	10.216.624.302
Giá vốn khác	-	2.873.601.139
<b>Tổng</b>	<b>44.716.454.441</b>	<b>13.090.225.441</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	119.482	2.673.077.851
Lãi thoái vốn đầu tư	-	146.623.200
Thu nhập hoạt động tài chính khác	-	1.042.411.000
<b>Tổng</b>	<b>119.482</b>	<b>3.862.112.051</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi vay	1.364.180.571	1.634.649.946
Chi phí tài chính khác	201.071	-
<b>Tổng</b>	<b>1.364.381.642</b>	<b>1.634.649.946</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	582.775.067	446.115.414
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	752.742.144	818.415.400
Chi phí khấu hao	645.077.359	647.699.400
Thuế, phí, lệ phí	8.868.900	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.420.301	580.442.751
Chi phí khác bằng tiền	197.209.516	252.904.932
<b>Tổng</b>	<b>2.524.093.287</b>	<b>2.745.577.897</b>

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	830.784.067	1.373.508.372
Tiền chậm nộp	9.711.900	-
Khấu hao TSCĐ, chi phí phân bổ khác do dừng sản xuất	693.404.101	1.020.914.608
Lỗi thanh lý tài sản cố định	109.616.873	-
Chi phí khác	18.051.193	352.593.764
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(830.784.067)</b>	<b>(1.373.508.372)</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30+40)	240.400.498	(1.041.220.730)
- Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	870.603.997	1.598.670.996
Thu nhập chịu thuế	1.111.004.495	557.450.266
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	222.200.899	111.490.054
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (i)	(66.660.270)	(33.447.017)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>155.540.629</b>	<b>78.043.037</b>

(i): Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội và Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Năm 2021, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết 406/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19; Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 406/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	84.859.869	(1.119.263.767)
<i>Điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định Lãi (Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông</i>	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	84.859.869	(1.119.263.767)
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.107.164	17.107.164
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>5</b>	<b>(65)</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	752.742.144	13.090.225.441
Chi phí nhân công	582.775.067	446.115.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.338.481.460	1.434.071.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.420.301	580.442.751
Chi phí khác bằng tiền	206.921.416	1.658.456.200
<b>Tổng</b>	<b>3.218.340.388</b>	<b>17.209.311.710</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan của Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
Công ty CP Dệt may Phú Vĩnh Hưng	Công ty liên kết	0%
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt	Theo Điều lệ tổ chức hoạt động

Và các thành viên thân cận trong gia đình của các nhân là bên liên quan

**Giao dịch với nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt**

*Phụ cấp, thù lao của Hội đồng Quản trị*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Gia Khoa	Chủ tịch HĐQT	-	-
Hoàng Việt Lân	Thành viên HĐQT	-	-
Lưu Quang Minh	Thành viên HĐQT	-	-
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Giao dịch với nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt (Tiếp theo)**

*Lương, phụ cấp của Ban Kiểm soát*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Phạm Thị Thu Hoài	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Nguyễn Bá Thắng	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Cao Tiến Thành	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
<b>Tổng</b>		-	-

*Tiền lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, Người công bố thông tin*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Hoàng Việt Lân	Tổng Giám đốc	-	-
Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	181.219.714	-
<b>Tổng</b>		<b>181.219.714</b>	-

Ngoài các khoản giao dịch về tiền lương, thù lao với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Công ty không phát sinh các giao dịch khác với bên liên quan.

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đất Việt - Chi nhánh Miền Bắc.

Người lập biểu

Khuất Thị Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải Yến

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân